TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

Bản án số: 68/2018/HS-ST
Ngày: 09 - 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ghên

Ông La Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trị - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/HSST-QĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành T, sinh năm 1988, tại Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P và Huỳnh Thị N; có vợ tên Lê Thạch T và một con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 30/3/2018 đến ngày 08/4/2018 chuyển tạm giam cho đến ngày 27/4/2018 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Nguyễn Văn P, sinh năm 1981, tại Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Bùi Thị H (đã chết); có vợ tên Phạm Thị Long V (đã ly thân) có 02 con, có vợ tên Nguyễn Thị H, chưa có con; tiền án: Bản án số 119/2014/HSST ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt Nguyễn Văn P 06 tháng tù, về tội: "Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy". Nguyễn Văn P chấp hành xong hình

phạt tù ngày 17 tháng 8 năm 2014 nhưng chưa thi hành án phí hình sự sơ thẩm; tiền sự: không có; bị bắt tạm giữ đầu thú từ ngày 29/3/2018 đến ngày 07/4/2018 chuyển tạm giam cho đến ngày 27/4/2018 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Bị hại:* Bà Trương Thị Ánh N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: D13, khu phố chợ H, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

2/ Bà Lê Thị Thu S, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt).

3/ Ông Lê Văn Q, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người làm chứng:* Nguyễn Thị R (vắng mặt), Đặng Thị Đ (vắng mặt), Nguyễn Thị Dạ T (vắng mặt), Nguyễn Thị Kim Q (vắng mặt), Trần Văn T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02 năm 2018, bà Trương Thị Ánh N, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An, có vay (mượn) của bị cáo Nguyễn Thành T số tiền 45.000.000 đồng chưa thỏa thuận lãi suất và không có hợp đồng vay tiền để tiêu xài cá nhân. Do không có khả năng chi trả nên bà N cố tình né tránh T. Khoảng 10 giờ ngày 28 tháng 3 năm 2018, mẹ vợ của T là bà Lê Thị Thu S, sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú: ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, thấy N đang ở nhà bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1951, hộ khẩu thường trú: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An gọi điện thoại báo cho T biết. Lúc này, T đang điều khiển xe mô tô biển số 53P4-3675 chở Nguyễn Văn P đi uống cà phê nên T nói với P là mẹ vợ của T tìm thấy bà N là người thiếu nợ tiền của T và rủ P cùng đi tìm bà N để đòi tiền, P đồng ý thực hiện nên T cùng P đến nhà bà Đ và tìm gặp bà N đang trốn trong nhà vệ sinh của nhà bà Đ. Bị cáo T dùng tay đánh nhiều cái trúng vào phần mặt, bụng của bà N và nắm cổ áo kéo bà N từ nhà vệ sinh ra phía trước nhà bà Đ, do bà N chống cự chạy ngược lại vào trong nhà nên T nắm tóc bà N kéo ra phía trước nhà bà Đ và tiếp tục dùng tay, chân đánh, đá bà N và nói: "tại sao thiếu tiền tao không trả mà đi trốn", còn P thì chửi mắng bà N. P lại giữ xe mô tô biển số 53P4-3675 để T ôm bà N kéo lên xe nhưng do

bà N chống cự T không đưa bà N lên xe được nên P dùng tay đánh và ôm chân bà N kéo lên xe. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 53P4-3675 chở bà N ngồi giữa, P ngồi phía sau về nhà bà S. Khi đến nhà bà S, T yêu cầu bà N ngồi trên võng không được đi đâu nếu đi T sẽ đánh, vừa nói xong T dùng tay đánh trúng 02 cái vào mặt bà N và kêu bà N viết giấy nợ tiền. Bà N nói không biết chữ nên T kêu bà N gọi điện thoại cho người nhà đến viết giấy nợ. N gọi điện thoại cho mẹ ruột của N là bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1951, hộ khẩu thường trú: ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An, đến ký nhận nợ với T. Khoảng 15 phút sau bà R đến nói không có tiền trả nợ cho T. T kêu bà R viết giấy nhận nợ cho T, bà R nói không biết chữ nên T nhờ ông Trần Văn T, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, viết giấy nhận nợ giúp cho bà R. T viết giấy nhận nợ giúp cho bà R với nội dung bà R và bà N nợ tiền T 45.000.000 đồng. Khi viết giấy nhận nợ xong, bà N và bà R ký điểm chỉ vào giấy nhận nợ và T cho bà N, bà R đi về. Qua tố cáo của bà N, đến lúc 18 giờ ngày 29 tháng 3 năm 2018 Nguyễn Văn P đến Công an huyện Đức Hòa đầu thú khai nhận hành vi phạm tội, riêng Nguyễn Thành T bị bắt theo lệnh bắt khẩn cấp của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn P thành khẩn khai báo hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra xác định: xe mô tô biển số 53P4-3675 do bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1963, hộ khẩu thường trú: D13, khu phố chợ H, phường M, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, đứng tên đăng ký chủ quyền vào năm 1998. Bà T bán lại xe mô tô biển số 53P4-3675 cho một người thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ mua để sử dụng nhưng không xác định được thời gian bán và quá trình mua bán không làm giấy tờ xác nhận. Nguyễn Thành T mua xe mô tô biển số 53P4-3675 của người không rõ họ tên, địa chỉ để sử dụng, đến ngày 28 tháng 3 năm 2018 T dùng xe này làm phương tiện thực hiện tội phạm bị Cơ quan điều tra thu giữ. Đối với tờ giấy ký nhận nợ của bà N và bà R nói trên, cha vợ của T là ông Lê Văn Q đã đốt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tang vật chứng: Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang tạm giữ các vật chứng sau: một xe mô tô biển số 53P4-3675, tiền Việt Nam 20.000.000 đồng do gia đình bị cáo Nguyễn Thành T tự nguyện giao nộp để bồi thường thiệt hại cho bà Trương Thị Ánh N.

Trách nhiệm dân sự: Bà Trương Thị Ánh N tự nguyện xin từ chối giám định tỷ lệ thương tích để xử lý về trách nhiệm hình sự, về phần trách nhiệm dân sự bà N yêu cầu Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn P bồi thường cho bà N chi phí điều trị thương tích và tiền mất sức lao động với tổng số tiền là 66.800.000 đồng, hiện gia đình bị cáo T đã bồi thường được 20.000.000 đồng (Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang tạm giữ), còn lại 46.800.000 đồng chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKSĐH ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Nguyễn

Thành T và Nguyễn Văn P về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn P gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T và Nguyễn Văn P phạm tội "Bắt giữ người trái pháp luật":

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T mức hình phạt từ 9 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án tRo, thời gian thử thách 01 năm 6 tháng đến 02 năm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P mức hình phạt từ 6 tháng đến 9 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà N yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn P bồi thường cho bà N chi phí điều trị thương tích và tiền mất sức lao động với tổng số tiền là 66.800.000 đồng, ông Lê Văn Q là ba ruột bị cáo T đã bồi thường được 20.000.000 đồng (Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang tạm giữ), còn lại 46.800.000 đồng chưa bồi thường. Ngày 12/6/2018 bị hại Trương Thị Ánh N có đơn xin bãi nại, trình bày đã nhận của bị cáo Nguyễn Thành T số tiền bồi thường là 30.000.000 đồng, bà không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Đối với một xe mô tô biển số 53P4-3675 là tài sản của bị cáo Nguyễn Thành T sử dụng làm phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu sung công quỹ. Đối với số tiền 20.000.000 đồng do ông Lê Văn Q đã nộp thay cho bị cáo T để khắc phục hậu quả, hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang tạm giữ, bị hại đề nghị hoàn trả lại cho ông Q do bị hại và bị cáo đã tự thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho ông Lê Văn Q số tiền 20.000.000 đồng.

Đối với bà Lê Thị Thu S có hành vi đi cùng với Nguyễn Thành T đến nhà bà Đặng Thị Đ và ông Trần Văn T có hành vi viết giấy nhận nợ giúp cho bà N, bà R. Nhưng do bà S, ông T không có giúp sức cho T, P thực hiện tội phạm, hành vi của bà S, ông T không cấu thành tội phạm nên đề nghị không đề cập, xem xét.

Đối với việc bà Trương Thị Ánh N bị Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn P đánh gây thương tích, bà N tự nguyện không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích để xử lý về trách nhiệm hình sự và cam kết không khiếu nại, thắc mắc gì về sau, do đó đề nghị không đề cập, xem xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn P hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại bà Trương Thị Ánh N trình bày: Ngày 28/3/2018, bị cáo T và bị cáo P dùng tay đánh nhiều cái trúng vào phần mặt, bụng và dùng tay, chân đánh, đá, chửi mắng bà. Sau đó, bà bị kéo lên xe, T điều khiển xe mô tô biển số 53P4-3675 chở bà ngồi giữa, P ngồi phía sau về nhà bà S. Khi đến nhà bà S, T yêu cầu bà ngồi trên võng không được đi đâu nếu đi T sẽ đánh, vừa nói xong T dùng tay đánh trúng 02 cái vào mặt bà và kêu bà viết giấy nợ, T còn gọi điện kêu mẹ bà là bà Nguyễn Thị R đến. Bà và bà R nói không biết chữ nên ông Trần Văn T viết giấy nhận nợ giúp. Khi viết giấy nhận nợ xong, bà và bà R ký điểm chỉ vào giấy nhận nợ, T mới cho bà và bà R đi về.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Q trình bày: Ông là ba vợ của bị cáo Nguyễn Thành T, ông có thay bị cáo T tạm nộp số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường cho bà N. Nay bà N đã nhận của bị cáo T số tiền bồi thường 30.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm nên ông đề nghị được nhận lại số tiền 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn P trước Tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Thấy rằng, vào khoảng 10 giờ ngày 28 tháng 3 năm 2018, do bà Trương Thị Ánh N có thiếu nợ bị cáo Nguyễn Thành T với số tiền 45.000.000 đồng không có khả năng chi trả nên khi gặp bà N tại nhà bà Đặng Thị Đ thuộc ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh

Long An, bị cáo Nguyễn Thành T cùng với bị cáo Nguyễn Văn P đã thực hiện hành vi dùng tay, chân đánh, đá, khống chế bắt bà Trương Thị Ánh N lên xe mô tô biển số 53P4-3675 để T chở bà N về nhà bà Lê Thị Thu S (mẹ vợ T) thuộc ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Khi đến nhà bà S, T và P tiếp tục dùng tay, chân đánh, đá, giữ bà N tại đây và ép buộc bà N kêu mẹ ruột mình là bà Nguyễn Thị R đến nhà bà S và cùng với bà N ký điểm chỉ vào giấy nhận nợ với nội dung bà R, bà N nợ tiền T 45.000.000 đồng. Sau khi viết ký giấy nợ xong bị cáo T cho bà N, bà R đi về.

Trên cơ sở đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn P phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn P với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn P gây ra là nguy hiểm. Hành vi này không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền tự do, dân chủ của bà N mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của các bị cáo là sẽ gây nguy hiểm cho sức khỏe và tinh thần của bà N và thấy trước hậu quả của hành vi đó là sẽ xâm phạm đến quyền tự do của bà N nhưng các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp và để mặc cho hậu quả xảy ra. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo T phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Bị cáo có ông nội ông Nguyễn Văn T được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, đang hưởng chế độ thương binh hạng 4/4. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Do đó khi quyết định hình phạt có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần. Xét thấy, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), ngoài ra bị cáo T có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo bên ngoài xã hội mà chỉ cần tuyên cho bị cáo T mức án treo cũng có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo P có một tiền án về tội "Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy", do đó phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự quy định điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đến Công an huyện Đức Hòa đầu thú và trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), do đó khi quyết định hình phạt có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần, tuy nhiên cũng cần cách ly bị cáo bên ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung.

Từ những phân tích [3], [4], xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn P là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Đối với bà Lê Thị Thu S có hành vi đi cùng với Nguyễn Thành T đến nhà bà Đặng Thị Đ và ông Trần Văn T có hành vi viết giấy nhận nợ giúp cho bà N, bà R. Nhưng do bà S, ông T không có giúp sức cho T, P thực hiện tội phạm nên hành vi của bà S, ông T không cấu thành tội phạm, do đó không đề cập, xem xét.

Đối với việc bà Trương Thị Ánh N bị Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn P đánh gây thương tích, bà N tự nguyện không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích để xử lý về trách nhiệm hình sự và cam kết không khiếu nại, thắc mắc gì về sau, do đó không đề cập, xem xét.

[6]. Về tang vật chứng: Đối với một xe mô tô biển số 53P4-3675 là tài sản của bị cáo Nguyễn Thành T dùng làm phương tiện phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng do ông Lê Văn Q đã nộp thay cho bị cáo T để khắc phục hậu quả, hiện nay do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang tạm giữ, bị hại bà N đề nghị trả lại cho ông Q do bà và bị cáo T đã tự thỏa thuận bồi thường xong nên trả lại cho ông Q là phù hợp.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà N yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn P bồi thường cho bà N chi phí điều trị thương tích và tiền mất sức lao động với tổng số tiền là 66.800.000 đồng. Ngày 12/6/2018 bị hại Trương Thị Ánh N có đơn xin bãi nại, trình bày đã nhận của bị cáo Nguyễn Thành T số tiền bồi thường là 30.000.000 đồng, bà không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 6 (sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thành T về Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An theo dõi giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Thành T có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thành T thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án. (Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2018 đến ngày 27/4/2018).

Về tang vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung công quỹ: Một xe mô tô biển số 53P4-3675, số khung: RLHHA0608WY000847, số máy: đã bị mày xóa không đọc được.

- Trả lại cho ông Lê Văn Q số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Tang vật trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/5/2018 và Biên lai thu tiền số 0001556 ngày 27/4/2018.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn P mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Án này là sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hánh án dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Thảnh